TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa chị H – anh T"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Diệu và bà Vũ Thị Ngân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện* Quỳnh Phụ*, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐHPT-ST ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị Nhị H, sinh năm 1979.
- **Bị đơn:** Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Lưu Thị Nhị H trình bày: Chị và anh Bùi Mạnh T tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A vào ngày 28/10/2000, sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại thị trấn A, chị làm giáo viên mầm non, anh T lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, tháng 6/2020 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị xin được ly hôn anh T.

-Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Mai A, sinh ngày 04/8/2001và Bùi Mạnh D, sinh ngày 22/9/2009. Con lớn hiện đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con D và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

Tại biên bản Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với anh Bùi Mạnh T, anh xác nhận lời khai của chị H về quan hệ hôn nhân, thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị H không nhất trí thì đề nghị giải quyết việc ly hôn theo nguyện vọng của chị H.

- Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung như chị H đã khai, nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị giao con D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, đối với con Mai A đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh T biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh T cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Xử giao con chung Bùi mạnh D, sinh ngày 22/9/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 10, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái

Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lưu Thị Nhị H và anh Bùi Mạnh T được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Bài, huyện Q vào ngày 28/10/2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh T đều sinh sống tại thị trấn A, chị H làm giáo viên, anh T lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 6/2020 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh T. Còn đối với anh T khi Tòa án tiến hành lấy lời khai tại gia đình, anh có nguyện vọng hòa giải trở về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh T biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy anh T không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H. Qua xác minh tổ dân phố số 10 và cán bộ tư pháp thị trấn A đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị H, anh T đã mâu thuẫn và đã sống ly thân, đồng thời đề nghị nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết nguyện vọng ly hôn của chị H theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự về nuôi dưỡng con chung, cho thấy hiện con Bùi Thị Mai A, sinh ngày 04/8/2001đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Con Bùi Mạnh D, sinh ngày 22/9/2009 được

chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tại biên bản ghi lời khai anh T cũng đề nghị nếu ly hôn xảy ra thì đề nghị giao con D cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu D cũng có ý kiến bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H được nuôi dưỡng con D và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6]Về án phí và lệ phí tòa án: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Nhị H được ly hôn anh Bùi Mạnh T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Bùi Mạnh D, sinh ngày 22/9/2009 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chuyển số tiền chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004358 ngày 05/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục THADS huyện Q;*
- *UBND TT An Bài;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC